

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 544/2018/DS-PT

Ngày: 31/5/2018

V/v Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại
hợp đồng gửi giữ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Xuân Trang
Ông Nguyễn Chí Sang

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018, về việc “Tranh chấp Đòi bồi thường thiệt hại hợp đồng gửi giữ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1924/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

-Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn B**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: đường C, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Minh E**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 003028, Quyền số 02/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2017 lập tại Văn phòng Công chứng I, Thành phố Hồ Chí Minh).

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Hùng J**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: đường K, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Tiến L**, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: đường M, Phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường P, Phường Q, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 002369, Quyền số 03/TP/CC-SCC/GUQ ngày 01/4/2014 lập tại Văn phòng Công chứng S, Thành phố Hồ Chí Minh).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đinh Ngọc Ái T**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường U, Phường V, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường X, Phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Bảo vệ Z.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **A1**, sinh năm 1951 - Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: đường B1, phường C1, quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người kháng cáo: Không

-Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông B có ông E là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vào lúc 13 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 03 năm 2013, ông B đi chiếc xe mô tô biển số 54Z3-8637, nhãn hiệu Honda, số loại: SH150 (gọi tắt là xe SH) thuộc sở hữu của em gái là bà T, đến ăn uống tại quán Dê núi E1, địa chỉ đường K, Phường D, Quận A do ông J là chủ quán. Khi vào quán, ông giao xe cho nhân viên bảo vệ và nhận thẻ xe. Sau một giờ, ông ra bãi tìm xe nhưng không thấy. Sau đó nhân viên bảo vệ quán báo cho ông biết chiếc xe SH nêu trên đã bị mất. Ông B đã trình báo đến Công an Phường D, Quận A và tại đây chủ quán ông J có thương lượng về việc bồi thường nhưng không thành.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông J có trách nhiệm bồi thường chiếc xe bị mất trị giá là 140.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông J có ông L là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bị đơn xác định ông B có gửi xe tại quán và sau khi ăn uống khoảng một giờ thì phát hiện mất xe. Ông J cho rằng ông chỉ buôn bán quán nhậu chứ không có trách nhiệm giữ xe. Năm 2011, ông có làm hợp đồng thuê Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ Z (gọi tắt là Công ty) giữ xe cho khách đến ăn uống trong quán. Hợp đồng có nêu rõ trường hợp xảy ra mất xe,

Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại sau khi có kết luận của cơ quan điều tra.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý và yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ Z phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ giá trị chiếc xe bị mất cho ông B.

Ngày 19/7/2016, ông J có đơn phản tố yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức độ lỗi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ Z trong việc bồi thường giá trị chiếc xe nói trên cho ông B.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày:

Bà mua chiếc xe SH biển số 54Z3-8637 vào tháng 3 năm 2010 với giá 8.600 USD, quy ra khoảng 172.000.000 đồng tiền Việt Nam. Ngày 02 tháng 03 năm 2013, anh ruột là ông B có mượn xe SH của bà để đi ăn. Sau đó, ông B yêu cầu bà đem giấy tờ xe ra Công an phường trình báo thì bà mới biết chiếc xe đã bị mất do gửi tại bãi xe của quán Dê Núi E1.

Nay bà thống nhất với yêu cầu của ông B về việc buộc ông J chủ quán Dê núi E1 phải bồi thường giá trị chiếc xe tại thời điểm bị mất là 140.000.000 đồng theo Biên bản định giá ngày 07/9/2016. Vì cho rằng khi khách hàng vào quán ăn của ông J, hoàn toàn không biết về hợp đồng dịch vụ giữa ông J và Công ty bảo vệ, khách hàng chỉ biết là quán ăn có tổ chức giữ xe do đó ông J không thể đưa Hợp đồng thuê bảo vệ ra nhằm trốn tránh trách nhiệm bồi thường. Chủ quán có tổ chức giữ xe cho khách thì chủ quán phải là bên chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với khách hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ Z đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng đều vắng mặt không lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Áp dụng:

-Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 159; điểm b, điểm e Điều 165; Điều 170; Điều 200; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

-Khoản 2 Điều 561; khoản 4 Điều 562 Bộ luật dân sự 2005;

-Điều 5; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B. Buộc ông J phải bồi thường 140.000.000 đồng giá trị chiếc xe SH bị mất (biển số 54Z3-8637) cho bà T số tiền 140.000.000 đồng.

Sau khi bồi thường xong trị giá chiếc xe, ông B có trách nhiệm giao lại cho ông J giấy chứng nhận đăng ký mô tô chiếc xe SH nói trên. Trường hợp sau này chiếc xe được tìm thấy, ông J là người được thụ hưởng toàn bộ các giá trị có liên quan đến chiếc xe nêu trên.

Đình chỉ trả lại đơn yêu cầu phản tố của ông J. Ông J có quyền nộp đơn khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ Z để giải quyết trong vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 19/7/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 18/01/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 19/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị sớm được nhận tiền bồi thường do vụ án kéo dài quá lâu.

Bị đơn yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ Z phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo các Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 01/HĐ-2011 ngày 01/11/2011 và số 51/HĐ-2014 ngày 01/4/2014.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng nghị, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tuyên buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại Hợp đồng gửi giữ tài sản cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về hình thức:

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định tại Điều 278, Điều 279, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

Về nội dung:

[1] Định giá tài sản: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành định giá tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014: *“Trường hợp tài sản định giá không còn thì việc xác định giá căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc hoặc tham khảo giá của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật để xác định. Tài sản cùng loại, tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật được xác định theo quy định của pháp luật”* mà căn cứ vào Biên bản khảo giá ngày 07/9/2016 của Đại diện Phòng Tài chính Kế hoạch Quận A để xác định giá trị tài sản là chưa đảm bảo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn không có đơn kháng cáo và mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng có nộp đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh, không có căn cứ để xem xét. Do đó, cần xác định bị đơn không kháng cáo và chấp nhận Bản án sơ thẩm nên việc hủy án để xác định lại giá trị tài sản là không cần thiết.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 170 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng tuyên xử: *“Buộc ông J phải bồi thường 140.000.000 đồng giá trị chiếc xe SH bị mất (biển số 54Z3- 8637) cho bà T số tiền 140.000.000 đồng”* là không phù hợp với quy định pháp luật. Bởi lẽ, ông B là chủ thể của Hợp đồng gửi giữ quy định tại khoản 2 Điều 561 Bộ luật dân sự 2005 đồng thời là người khởi kiện. Do đó, ông J phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông B; việc bà T cho ông B mượn xe là quan hệ mượn tài sản, trường hợp có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu theo như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A. Xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A về phần này. Do đó, cần thiết buộc ông B giao trả bản chính giấy tờ xe cho ông J ngay

sau khi nhận đủ số tiền 140.000.000 đồng, trường hợp có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu như nhận định phía trên.

[3] Về việc áp dụng Bộ luật dân sự: Do sự việc mất tài sản xảy ra vào ngày 02 tháng 3 năm 2013, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 556, 557 Bộ luật dân sự 2015 là không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 về điều khoản chuyển tiếp của Bộ luật dân sự 2015, cụ thể: “Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự 33/2005/QH11 để giải quyết”. Do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 561, khoản 4 Điều 562 Bộ luật dân sự 2005, sửa Quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[4] Đối với sai sót về án phí tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm là do lỗi đánh máy, Thẩm phán chủ tọa đã hai lần ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Xét thấy có sai phạm nhưng chưa xảy ra hậu quả nghiêm trọng, Thẩm phán chủ tọa đã nhanh chóng khắc phục sai sót. Do đó chỉ cần rút kinh nghiệm sâu sắc đối với cá nhân Thẩm phán chủ tọa mà không cần thiết phải hủy án dẫn đến việc kéo dài vụ án, tốn kém thời gian, chi phí tố tụng của Tòa án và các đương sự, gây thiệt hại cho nguyên đơn vì chậm nhận tiền bồi thường mà không phải lỗi của mình.

[5] Tương tự như phần án phí, Quyết định của bản án sơ thẩm không nêu về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự; quyền và thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Xét thấy tại bản án gốc có trong hồ sơ và Biên bản nghị án đều có đầy đủ nội dung này. Sau đó, Thẩm phán chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung về phần này được xem là lỗi trong khâu đánh máy. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều xác định Thẩm phán chủ tọa có thông báo thời hạn kháng cáo nhưng cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với cá nhân Thẩm phán chủ tọa mà không cần hủy Bản án sơ thẩm.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc buộc ông J phải bồi thường 140.000.000 đồng giá trị chiếc xe SH đã mất cho ông B. Sửa chữa nội dung về áp dụng điều luật của Bộ luật dân sự và án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng:

-Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 159; điểm b, điểm e Điều 165; Điều 170; Điều 200; Điều 227; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Khoản 2 Điều 561, khoản 4 Điều 562 Bộ luật dân sự 2005;

-Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B. Buộc bị đơn ông J phải bồi thường 140.000.000 đồng giá trị chiếc xe mô tô biển số 54Z3-8637, nhãn hiệu Honda, số loại: SH150 cho ông B.

2. Sau khi bồi thường xong trị giá chiếc xe, ông B có trách nhiệm giao lại cho ông J bản chính Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 003970; Tên chủ xe: T; Biển số đăng ký: 54Z3-8637; Nhãn hiệu: Honda; Số loại: SH150; Loại xe: Hai bánh; Màu sơn: Đen; Số máy: KF08E1035590; Số khung: ZDCKF10B0AF033643; Dung tích xi lanh: 153; Năm sản xuất: 2010; Đăng ký lần đầu ngày: 24/3/2010, do Công an Quận W cấp. Trường hợp sau này chiếc xe được tìm thấy, ông J là người được thụ hưởng toàn bộ các giá trị có liên quan đến chiếc xe nêu trên.

3. Đình chỉ trả lại đơn yêu cầu phản tố của ông J. Ông J có quyền nộp đơn khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ Z để giải quyết trong vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 19/7/2016.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông J phải chịu 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng. Hoàn lại cho ông B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 (*Ba triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04353 ngày 20/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông J số tiền 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000843 ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, TP.Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Châu Kim Anh